

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2010

TÊN ĐƠN VỊ: TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

ĐỊA CHỈ: 68 Nguyễn Trung Trực - KP 9 - Bến Lức - Long An

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		846,116,585,772	595,078,552,369
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	17,880,674,692	69,597,111,374
1. Tiền	111		17,880,674,692	56,370,831,867
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13,226,279,507
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.2	404,292,324,047	233,416,696,839
1. Phải thu khách hàng	131		326,978,568,663	144,899,894,605
2. Trả trước cho người bán	132		54,795,477,502	73,233,460,817
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		23,868,974,107	16,442,517,670
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,350,696,225)	(1,159,176,253)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	401,471,945,305	254,297,292,724
1. Hàng tồn kho	141		401,471,945,305	254,297,292,724
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		22,471,641,728	37,767,451,432
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	3,221,572,222	11,313,214,420
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8,914,013,128	16,848,302,608
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1,579,242,318	188,038,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	8,756,814,060	9,417,896,404

(Phần tiếp theo trang 2)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		784,497,173,845	644,146,211,756
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		633,385,420,594	501,107,062,594
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	226,108,353,984	243,765,410,628
+ Nguyên giá	222		293,152,131,629	307,745,807,654
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67,043,777,645)	(63,980,397,026)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	47,752,083,038	26,219,920,042
+ Nguyên giá	228		48,172,549,720	26,533,386,720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(420,466,682)	(313,466,678)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	359,524,983,572	231,121,731,924
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.10	131,897,383,423	132,718,205,893
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		131,897,383,423	131,818,205,893
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	900,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270		19,214,369,828	10,320,943,269
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	8,081,111,829	3,014,452,346
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	11,018,257,999	7,206,490,923
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	115,000,000	100,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1,630,613,759,617	1,239,224,764,125

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,075,545,669,858	675,321,008,365
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		781,136,426,576	346,036,613,690
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	485,810,322,570	110,759,325,800
2. Phải trả người bán	312	5.15	100,550,306,786	100,200,078,010
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	7,053,730,867	634,337,946
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	10,387,501,230	45,355,519,206
5. Phải trả người lao động	315		8,812,925,231	7,160,283,406
6. Chi phí phải trả	316	5.17	56,260,978,235	33,879,060,253
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	100,362,841,823	35,830,852,700
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11,897,819,834	12,217,156,369
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		294,409,243,282	329,284,394,675
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	5,116,848,708	4,320,450,987
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	265,726,892,489	279,212,649,038
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14,510,651	141,201,757
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		40,433,600	208,705,150
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	23,510,557,834	45,401,387,743
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		541,338,274,348	550,291,931,666
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	5.23	541,338,274,348	550,291,931,666
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.23	443,753,850,000	295,807,110,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.23	-	102,592,150,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	5.23	(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.23	44,715,649	5,091,998
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.23	14,364,348,663	13,673,710,430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.23	12,618,211,299	12,065,700,713
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.23	952,937,364	1,608,009,717
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.23	77,104,211,373	132,040,158,808
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	5.24	13,729,815,411	13,611,824,094
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,630,613,759,617	1,239,224,764,125

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th.	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		7,783.56	2,393,502.34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý IV Năm 2010

CHỈ TIÊU	M ã T	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
		số M	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		265,960,057,405	234,336,582,585	1,164,092,180,831	907,170,685,413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5,575,350,336	574,504,781	12,508,226,359	1,833,076,352
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 6		260,384,707,069	233,762,077,804	1,151,583,954,472	905,337,609,061
4. Giá vốn hàng bán	11 6		208,881,207,207	191,075,162,706	968,745,817,937	742,515,049,258
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51,503,499,862	42,686,915,098	182,838,136,535	162,822,559,803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 6		12,777,283,264	1,158,081,111	17,985,632,601	3,637,531,913
7. Chi phí tài chính	22 6		19,023,625,167	7,066,729,298	50,071,120,748	20,588,442,545
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18,440,258,419	2,949,166,651	38,233,297,976	16,470,879,898
8. Chi phí bán hàng	24 7		23,192,503,835	1,612,283,649	47,780,543,562	4,250,344,423
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 7		23,022,998,705	17,341,395,402	65,474,655,884	49,043,565,288
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(958,344,582)	17,824,587,860	37,497,448,942	92,577,739,460
11. Thu nhập khác	31 7		18,664,132,754	47,099,729,949	84,214,951,837	59,285,031,390
12. Chi phí khác	32 7		16,862,428,332	40,195,874,073	64,768,620,183	50,578,877,863
13. Lợi nhuận khác	40		1,801,704,422	6,903,855,876	19,446,331,654	8,706,153,527
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		(219,280,658)	(202,656,068)	(220,822,469)	(221,774,670)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		624,079,183	24,525,787,668	56,722,958,127	101,062,118,317
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(1,501,329,453)	9,005,829,600	18,672,890,227	26,316,347,660
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(319,956,315)	(4,503,374,423)	(3,938,458,182)	(4,380,266,455)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,445,364,951	20,023,332,491	41,988,526,082	79,126,037,112
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			(53,718,851)	(198,380,558)	(368,966,552)	(198,380,558)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			2,499,083,802	20,221,713,049	42,357,492,634	79,324,417,670
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		85	703	1,433	2,772

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Thị Trúc

Nguyễn Thị Trúc
Kế toán trưởng



Phạm Phúc Toại
Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56,722,958,127	101,062,118,317
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		30,653,567,834	35,795,790,022
Các khoản dự phòng	03		191,519,972	661,139,253
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(9,854,648,760)	127,148,653
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15,776,982,602)	(12,281,595,346)
Chi phí lãi vay	06		38,233,297,976	16,470,879,898
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		100,169,712,547	141,835,480,797
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17,751,725,008	138,599,514,504
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(147,174,652,581)	(95,339,336,836)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(376,370,092,286)	(301,861,556,381)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3,115,040,777	(8,609,138,130)
Tiền lãi vay đã trả	13		(37,562,220,636)	(15,916,508,047)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(50,866,359,829)	(9,559,558,821)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15		10,445,351,686	31,296,068,555
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(11,125,325,325)	(40,202,979,744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			(491,616,820,639)	(159,758,014,103)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(90,239,237,046)	(115,235,196,280)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		63,159,773,696	22,219,228,459
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		900,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,602,236,538	1,651,222,134
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23,877,226,812)	(91,364,745,687)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8,120,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,170,031,867,061	555,202,318,468
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(656,565,178,642)	(239,720,159,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49,691,270,200)	(14,350,062,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		463,775,418,219	309,252,097,468
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(51,718,629,232)	58,129,337,678
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69,597,111,374	12,643,846,359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,192,550	(1,176,072,663)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		17,880,674,692	69,597,111,374

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



 PHẠM PHÚC TOẠI


TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyên nhượng câu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

(Phần tiếp theo ở trang 9)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Số 154D, đường 134, P.Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	82.09%

1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty</u>
1.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	60%	54.79%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này, cụ thể như sau :

Bảng cân đối kế toán :

	Đầu năm	Đầu năm
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
Người mua ứng tiền trước	634.337.946	46.035.725.689
Doanh thu chưa thực hiện	45.401.387.743	-
Cộng	46.035.725.689	46.035.725.689

11/11
12/11
13/11
14/11
15/11
16/11
17/11
18/11
19/11
20/11
21/11
22/11
23/11
24/11
25/11
26/11
27/11
28/11
29/11
30/11
31/11

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	777.657.447	492.547.259
Tiền gửi ngân hàng	17.103.017.245	55.878.284.608
Các khoản tương đương tiền	-	13.226.279.507
Tổng cộng	17.880.674.692	69.597.111.374

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	326.978.568.663	144.899.894.605
Trả trước cho người bán	54.795.477.502	73.233.460.817
Các khoản phải thu khác	23.868.974.107	16.442.517.670
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	405.643.020.272	234.575.873.092
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.350.696.225)	(1.159.176.253)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	404.292.324.047	233.416.696.839

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	242.855.217.457	68.024.573.828
Phải thu hoạt động thi công	1.047.857.984	23.452.648.632
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	83.075.493.222	53.422.672.145
Cộng	326.978.568.663	144.899.894.605

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước về mua sắm và xây dựng cơ bản tài sản cố định	41.548.971.881	30.670.263.781
Trả trước hoạt động thi công	7.117.700.432	-
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	2.451.694.000	39.331.331.623
Khác	3.677.111.189	3.231.865.413
Cộng	54.795.477.502	73.233.460.817

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên		11.132.700.000
Phải thu tiền cho vay	11.995.316.400	-
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.227.774.537	1.318.344.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	3.188.838.016	-
Ứng trước tiền mua nông sản	5.690.909.000	
Khác	1.766.136.154	3.991.473.670
Cộng	23.868.974.107	16.442.517.670

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	27.395.557.083	-
Nguyên liệu, vật liệu	45.349.914.382	6.666.028.940
Công cụ, dụng cụ	4.441.815.315	1.408.349.814
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	182.137.495.781	128.859.054.429
Thành phẩm	113.033.139.039	39.489.101.358
Hàng hóa	29.112.601.576	77.869.481.254
Hàng gửi bán	1.422.129	5.276.929
Cộng giá gốc hàng tồn kho	401.471.945.305	254.297.292.724
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	401.471.945.305	254.297.292.724

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Thi công kho lạnh Hoàng Long Long Cang	-	8.881.818.181
Chi phí sửa chữa	189.446.564	518.937.673
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.624.706.179	119.632.925
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.231.655.221	1.549.918.705
Khác	175.764.258	242.906.936
Tổng cộng	3.221.572.222	11.313.214.420

5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.568.703.577	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	186.538.000
Khác	10.538.741	1.500.000
Tổng cộng	1.579.242.318	188.038.000

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	6.678.977.852	2.434.096.229
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.077.836.208	6.983.800.175
Tổng cộng	8.756.814.060	9.417.896.404

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	20.963.692.941	25.007.859.344	257.383.010.888	3.293.401.837	1.097.842.644	307.745.807.654
Mua trong kỳ	1.952.334.163	41.388.472.314	28.347.075.995	675.390.914	1.784.913.063	74.148.186.449
Giảm khác	-	-	(575.784.460)	-	-	(575.784.460)
Thanh lý	-	(3.553.790.880)	(84.554.062.337)	(58.224.797)	-	(88.166.078.014)
Phân loại TSCĐ	-	(100.244.940)	-	100.244.940	-	-
Số dư cuối kỳ	22.916.027.104	62.742.295.838	200.600.240.086	4.010.812.894	2.882.755.707	293.152.131.629
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.259.779.843	6.256.333.985	52.961.661.557	2.107.830.708	394.790.933	63.980.397.026
Khấu hao trong kỳ	1.649.778.668	4.544.895.271	23.453.004.574	752.845.874	146.043.443	30.546.567.830
Tăng khác	-	1.190.776	412.949	-	-	1.603.725
Thanh lý	-	(2.372.136.297)	(25.062.561.538)	(50.093.101)	-	(27.484.790.936)
Phân loại TSCĐ	-	(22.748.502)	-	22.748.502	-	-
Số dư cuối kỳ	3.909.558.511	8.407.535.233	51.352.517.542	2.833.331.983	540.834.376	67.043.777.645
Tại ngày đầu kỳ	24.674.853.277	18.450.907.484	198.450.409.152	1.486.189.004	703.051.711	243.765.410.628
Tại ngày cuối kỳ	19.006.468.593	54.334.760.605	149.247.722.544	1.177.480.911	2.341.921.331	226.108.353.984

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp là 160.407.144.625 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.003.332.783 đồng

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	26.523.086.720	10.300.000	26.533.386.720
Tăng trong kỳ	21.639.163.000	-	21.639.163.000
Số dư cuối kỳ	48.162.249.720	10.300.000	48.172.549.720
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	303.166.678	10.300.000	313.466.678
Khấu hao trong kỳ	107.000.004	-	107.000.004
Số dư cuối kỳ	410.166.682	10.300.000	420.466.682
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	26.219.920.042	-	26.219.920.042
Tại ngày cuối kỳ	47.752.083.038	-	47.752.083.038

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	99.027.981.727	95.774.715.231
Chi phí xây dựng nhà máy nước ngầm	-	249.178.333
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.619.233.443	1.078.324.352
Mạng lưới cung cấp nước sạch khu dân cư thị trấn Bến Lức	121.058.955	545.964.200
Chi phí đầu tư mua sắm mới xe taxi	46.000.000	9.716.612.384
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	242.141.685.134	114.010.444.507
Công trình khu tái định cư phân bón Bình Điền	-	-
Chi phí xây dựng nhà xưởng sản xuất nước đá	13.481.734.313	9.667.452.917
Khác	87.290.000	79.040.000
Tổng cộng	359.524.983.572	231.121.731.924

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	131.897.383.423	131.818.205.893
Đầu tư dài hạn khác	-	900.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	131.897.383.423	132.718.205.893
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	131.897.383.423	132.718.205.893

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết công ty liên kết Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2010	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy	Liên kết	131.897.383.423	30%
Cộng		131.897.383.423	

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng	-	223.170.985
Chi phí CCDC chờ phân bổ	7.548.665.165	362.227.520
Chi phí sửa chữa lớn	85.140.213	693.224.467
Chi phí san lấp mặt bằng máy nước	51.825.000	103.650.000
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	395.481.451	128.839.948
Chi phí sửa chữa xe thi công	-	1.503.339.426
Tổng cộng	8.081.111.829	3.014.452.346

5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.484.474.394	2.867.096.176
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	3.630.074.217
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	394.749.227	709.320.530
Tổng cộng	11.018.257.999	7.206.490.923

5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Đặt cọc khác	15.000.000	-
Tổng cộng	115.000.000	100.000.000

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	485.810.322.570	110.759.325.800
Tổng cộng	485.810.322.570	110.759.325.800

Vay ngân hàng với lãi suất từ 12%/năm đến 14,7%/năm đối với VND, 6,3%/năm đến 7,5%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- 20.421.418 cổ phiếu Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long với giá thị trường là 20.000đ/CP
- Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 281-283 An Dương Vương Q.5, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp số 407/EIB-MT/TC/2010 ngày 14/12/2010
- Các xe ô tô mua để kinh doanh theo hợp đồng thế chấp số 4711/2010/HĐTC-DN-HCM ngày 16/11/2010 với tổng giá trị là 37.553.647.437 đồng.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	100.550.306.786	100.200.078.010
Người mua trả tiền trước	7.053.730.867	634.337.946
Tổng cộng	107.604.037.653	100.834.415.956

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.194.160.000	6.817.580.000
Phải trả tiền sửa chữa tòa nhà văn phòng	-	649.930.493
Phải trả tiền mua nguyên liệu thuốc lá	14.471.305.968	54.554.259.641
Phải trả tiền mua cát	1.389.775.580	2.363.590.243
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	58.953.403.707	1.635.986.062
Phải trả về hoạt động thi công	10.631.833.825	26.980.127.374
Khác	2.202.415.706	1.491.192.197
Cộng	100.550.306.786	100.200.078.010

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.466.644.371	-
Trả trước cho hoạt động thương mại	3.813.357.346	-
Khác	773.729.150	634.337.946
Cộng	7.053.730.867	634.337.946

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	4.430.851.836	9.265.641.951
Thuế TNDN	5.130.353.222	35.887.997.332
Thuế TNCN	180.314.476	135.115.380
Thuế tài nguyên	13.331.778	17.279.721
Các khoản phí, lệ phí	632.649.918	49.484.822
Tổng cộng	10.387.501.230	45.355.519.206

5.17. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.510	14.520.296.868
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	7.770.000.000	-
Trích trước chi phí lãi vay	1.266.050.218	594.972.878
Khác	155.000.000	250.000.000
Tổng cộng	56.260.978.235	33.879.060.253

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	1.299.800	1.299.800
Kinh phí công đoàn	416.737.232	201.802.610
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	362.396.726	409.327.830
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	658.565.000	45.000.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy	24.557.443.935	30.563.443.935
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	9.382.866.150	-
Phải trả tiền vay các đối tượng khác	63.634.629.445	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.348.903.535	4.609.978.525
Tổng cộng	100.362.841.823	35.830.852.700

5.19. Phải trả dài hạn khác

Đây là khoản nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	265.726.892.489	277.574.759.038
Vay cá nhân	-	1.637.890.000
Tổng cộng	265.726.892.489	279.212.649.038

Vay ngân hàng với lãi suất là 10,5 %/năm đến 14%/năm đối với VNĐ, 6%/năm đối với USD.
Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- Giấy chứng nhận QSD đất số AB 240676 do UBND huyện Bến Lức, tỉnh Long AN cấp ngày 13/09/2005; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Long An cấp ngày 26/09/2010. Theo hợp đồng thế chấp số 0250/NHNT-TDC/BL10 ngày 13/08/2009, tài sản thế chấp kể trên được định giá là 14.193.430.000 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Ô tô kinh doanh taxi hình thành từ vốn vay với tổng trị giá tài sản thế chấp là 83.008.917.324 đồng.

5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	14.510.651	141.201.757
Tổng cộng	14.510.651	141.201.757

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	23.510.557.834	45.401.387.743
Tổng cộng	23.510.557.834	45.401.387.743

110
CỔ ĐÓNG
A.P.
HỢP
Ý LL

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23 Vốn chủ sở hữu

5.23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ năm trước	287.687.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	-	21.160.495.416	79.483.854.403	483.423.609.819
Tăng vốn	8.120.000.000	-	-	-	-	-	8.120.000.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	79.324.417.670	79.324.417.670
Trích quỹ	-	-	-	-	6.186.925.444	(12.373.850.887)	(6.186.925.443)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(14.350.062.000)	(14.350.062.000)
CL tỷ giá	-	-	-	5.091.998	-	-	5.091.998
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(44.200.378)	(44.200.378)
Số dư đầu năm nay	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	5.091.998	27.347.420.860	132.040.158.808	550.291.931.666
Tăng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	42.357.492.634	42.357.492.634
CL tỷ giá	-	-	-	39.623.651	-	-	39.623.651
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(278.226.938)	(278.226.938)
Trích quỹ	-	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.465)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	44.715.649	27.935.497.326	77.104.211.373	541.338.274.348

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	295.807.110.000
Tổng cộng	443.753.850.000	295.807.110.000

5.23.3. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.385	29.580.711
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	29.580.711
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	29.430.711

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	42.357.492.634	79.324.417.670
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	29.552.311	28.754.044
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.433	2.759

5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	13.611.824.094	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	200.000.000	13.673.615.585
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(82.008.683)	(61.791.491)
Số dư cuối năm	13.729.815.411	13.611.824.094

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	385.432.414.276	595.399.191.628
Doanh thu hoạt động thi công	22.552.917.093	29.591.060.067
Doanh thu kinh doanh bất động sản	99.286.682.605	159.305.825.754
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.335.191.272	24.458.602.074
Doanh thu cung cấp nước	4.207.029.346	2.444.809.390
Doanh thu taxi	105.699.262.745	93.755.943.308
Doanh thu chế biến thủy sản	535.803.092.217	-
Doanh thu khác	6.775.591.277	2.201.025.253
Hàng bán bị trả lại	(12.508.226.359)	(1.833.076.352)
Doanh thu thuần	1.151.583.954.472	905.337.609.061

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	378.867.809.426	566.408.511.432
Giá vốn hoạt động thi công	17.516.844.089	23.074.009.562
Giá vốn hoạt động bất động sản	39.736.071.823	61.960.634.926
Giá vốn cung cấp dịch vụ	327.001.786	14.120.559.351
Giá vốn cung cấp nước	3.547.478.875	2.925.032.238
Giá vốn hoạt động taxi	83.136.931.503	72.187.707.511
Giá vốn chế biến thủy sản	438.973.293.883	-
Giá vốn hoạt động khác	6.640.386.552	1.838.594.238
Tổng cộng	968.745.817.937	742.515.049.258

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.602.236.538	1.651.222.134
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.504.103.386	471.315.568
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.879.279.407	1.514.689.547
Khác	13.270	304.664
Tổng cộng	17.985.632.601	3.637.531.913

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	38.233.297.976	16.470.879.898
Chi phí chiết khấu thanh toán	3.707.653.445	612.128.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.105.538.680	1.109.339.277
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.630.647	1.641.838.200
Chi phí cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	754.091.652
Khác	-	164.968
Tổng cộng	50.071.120.748	20.588.442.545

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.824.932.423	669.111.016
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.661.455.094	356.788.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	540.436.635	323.652.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.105.525.925	398.299.851
Chi phí bằng tiền khác	11.648.193.485	2.502.491.876
Tổng cộng	47.780.543.562	4.250.344.423

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	34.952.479.270	26.950.505.849
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.484.245.427	1.874.586.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.754.342.138	5.336.201.089
Thuế, phí và lệ phí	820.369.145	572.187.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.586.159.777	6.777.431.784
Chi phí bằng tiền khác	14.877.060.127	7.532.652.520
Tổng cộng	65.474.655.884	49.043.565.288

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu phí đo đạc	-	389.670.010
Thu tiền bán phế liệu	1.872.176.839	-
Thu thanh lý tài sản cố định	72.898.038.871	56.014.228.459
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	6.713.539.216	454.142.166
Thu nhập khác	2.731.196.911	2.426.990.755
Tổng cộng	84.214.951.837	59.285.031.390

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.372.031.805	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	59.723.292.807	45.574.340.288
Chi phí do không thực hiện hợp đồng	-	1.160.052.530
Chi phí khác	3.673.295.571	3.844.485.045
Tổng cộng	64.768.620.183	50.578.877.863

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ho ãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim 2	2.469.512.872	25%	(617.378.218)
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	14.035.840.644	25%	(3.508.960.161)
Chi phí thuế hoãn lại từ việc hoàn nhập CL tỷ giá do đánh giá cuối kỳ của năm trước	1.421.940.368	25%	355.485.092
Chi phí thuế hoãn lại từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của kỳ này	670.419.580	25%	(167.604.895)
Tổng cộng	18.597.713.464		(3.938.458.182)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Sản xuất, thương mại
- + Thi công xây lắp
- + Bất động sản
- + Cung cấp dịch vụ : sửa chữa, bơm cát
- + Dịch vụ taxi
- + Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- + Khác : cung cấp nước; sản xuất và cung cấp nước đá và các hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 26)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	372.924.187.917	22.552.917.093	99.286.682.605	105.699.262.745	535.803.092.217	15.317.811.895	1.151.583.954.472
Giá vốn	(378.867.809.426)	(17.516.844.089)	(39.736.071.823)	(83.136.931.503)	(438.973.293.883)	(10.514.867.213)	(968.745.817.937)
Lãi gộp	(5.943.621.509)	5.036.073.004	59.550.610.782	22.562.331.242	96.829.798.334	4.802.944.682	182.838.136.535
Chi phí bán hàng	(5.812.412.848)	-	(421.638.712)	(2.864.992.549)	(38.596.532.907)	(84.966.546)	(47.780.543.562)
Chi phí QLDN	(16.962.318.256)	(2.169.710.488)	(10.869.597.150)	(17.698.952.039)	(17.340.054.325)	(434.023.626)	(65.474.655.884)
Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	(28.718.352.613)	2.866.362.516	48.259.374.920	1.998.386.654	40.893.211.102	4.283.954.510	69.582.937.089
Doanh thu tài chính	8.220.595.207	39.880.647	608.540.347	59.281.817	8.801.569.701	255.764.882	17.985.632.601
Chi phí tài chính	(16.318.565.035)	(857.857.627)	(3.707.653.445)	(4.860.192.582)	(22.764.678.658)	(1.562.173.401)	(50.071.120.748)
Lợi nhuận tài chính	(8.097.969.828)	(817.976.980)	(3.099.113.098)	(4.800.910.765)	(13.963.108.957)	(1.306.408.519)	(32.085.488.147)
Thu nhập khác	63.137.107.055	4.132.625.103	6.760.960.587	2.116.602.840	1.693.855.475	6.373.800.777	84.214.951.837
Chi phí khác	(54.405.519.821)	(3.726.492.534)	(99.212.649)	(415.848.957)	(623.794.224)	(5.497.751.998)	(64.768.620.183)
Lợi nhuận khác	8.731.587.234	406.132.569	6.661.747.938	1.700.753.883	1.070.061.251	876.048.779	19.446.331.654

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Lỗ từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	(220.822.469)	(220.822.469)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.084.735.207)	2.454.518.105	51.822.009.760	(1.101.770.228)	28.000.163.396	3.632.772.301	56.722.958.127
Chi phí thuế TNDN	(1.022.498.853)	(534.038.346)	(12.980.424.733)	(27.291.380)	-	(170.178.733)	(14.734.432.045)
Lợi nhuận sau thuế	(29.107.234.060)	1.920.479.759	38.841.585.027	(1.129.061.608)	28.000.163.396	3.462.593.568	41.988.526.082
Lợi ích cổ đông thiểu số	(82.008.683)	-	-	-	-	(286.957.869)	(368.966.552)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	(29.025.225.377)	1.920.479.759	38.841.585.027	(1.129.061.608)	28.000.163.396	3.749.551.437	42.357.492.634

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Trong kỳ, Công ty đã thực hiện giải thể công ty con – Công ty CP Rượu Bia Labeco vào tháng 4/2010.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu Ông Phạm Hoàng Long	-	11.132.700.000
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại	5.470.359.000	-
Phải trả Công ty Thanh Thy	24.557.443.935	30.563.443.935

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	3.979.157.822	3.631.203.354

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	1.375.389.456	1.321.212.888

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Một công ty con của Tập Đoàn là Công ty CP Rượu Bia Labeco đã được giải thể vào tháng 04/2010.

Do Chính Phủ quy định không được phép hoạt động khai thác cát nên Công ty TNHH MTV Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long dự định sẽ được giải thể vào năm 2011.

Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31/12/2009 Bộ Tài Chính có ban hành thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán, hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 31 tháng 01 năm 2011.

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI